TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Tr.

2. Ông Trần Khánh H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 11/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 2, xã BHĐ, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp 2, xã BHĐ, huyện M, tỉnh L. .

Bà H1 có mặt; ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H1: Bà Trương Thị H1 yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D. Về con chung, một con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/11/2020, con chung chưa đủ 03 tuổi, con chung đang ở với bà H1, bà H1 yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H1 xác định không có.

Yêu cầu, đề nghị của ông Trần Văn D: Ông D vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Trương Thị H1 cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà H1 (photo); trích lục giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); khai sinh Trần Ngọc Bảo A (bản sao); bản tự khai.

Chứng cứ do ông Trần Văn D cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà H1 trình bày:

Bà H1 và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHĐ năm 2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn về nhiều mặt, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn xảy ra thời gian dài, hai bên không giải quyết được. Bà H1 xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau nên bà Huyển yêu cầu được ly hôn. Về con chung, có một con chung tên Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/11/2020, hiện đang ở với bà H1, bà H1 yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bà H1 đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Trương Thị H1 và ông Trần Văn D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BHĐ và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Trần Văn D: Ông Trần Văn D vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông D.

[3]. Về yêu cầu ly hôn:

[3.1]. Bà H1 trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông D vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà H1 để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của bà H1 thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Ông D thường xuyên bỏ đi chơi, tụ tập bè bạn đánh bạc, không chăm lo làm ăn phụ giúp gia đình, bà H1 nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông D không thay đổi. Cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông D vắng mặt thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Bà H1 xác định không còn tình cảm với ông D. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà H1 và ông D không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà H1 và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H1 đối với ông D.

[4]. Về con chung: Ông D không có ý kiến về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H1. Xét thấy, con chung là Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/11/2020, con chung chưa đủ 03 tuổi, con chung đang sống với bà H1 nên bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà H1.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung: Bà H1 xác định không có tài sản chung, ông D vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà H1 về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Bà H1 xác định không có nợ chung, ông D vắng mặt, không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà H1về việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Bà Trương Thị H1 phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị H1 đối với ông Trần Văn D, cho bà H1 được ly hôn ông D.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H1 về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/11/2020, con chung đang sống với bà H1. Ông Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trương Thị H1 về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Trương Thị H1 về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Trương Thị H1 phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai số 0010570 ngày 13 tháng 02 năm 2023

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà H1 đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Trương Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã BHĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L